

TRAO ĐỔI NGHIỆP VỤ

SỰ KẾT HỢP GIỮA PHÂN TÍCH VĂN HÓA VÀ PHÂN TÍCH CƠ CẤU XÃ HỘI

S. N. EISENSTADT

I - Tình trạng tách rời của nghiên cứu văn hóa và nghiên cứu cơ cấu xã hội

Một trong những khuynh hướng có nhiều tính vấn đề và quan trọng nhất trong sự phát triển của các khoa học xã hội khoảng hai chục năm qua là sự tách rời ngày càng tăng giữa các nghiên cứu về văn hóa, về những loại biểu tượng (Symbols) khác nhau, sự sinh sản của chúng và mối liên hệ của chúng với sự tương tác và hành vi xã hội, với những nghiên cứu về cơ cấu và thiết chế xã hội, về những hình thái thiết chế và tổ chức.

Tất nhiên, điều này tỏ ra trái ngược với những nhận định của những năm năm mươi và sáu mươi là đã nhấn mạnh vào bản chất hệ thống của các xã hội, chẳng hạn khi coi xã hội như là những hệ thống thì người ta cũng đồng thời phân tích các nhóm xã hội khác nhau, những bộ phận thiết chế nói chung, về lĩnh vực của những biểu tượng, niềm tin và các giá trị nói riêng trong khuôn khổ sự đóng góp của chúng nhằm duy trì những ranh giới của các hệ thống ấy.

Những nhận định này bị phê phán trên nhiều lý lẽ khác nhau: Parsons thì chú ý quá nhiều đến những khuôn khổ của sự tăng cường bảo vệ khuôn mẫu hành vi của văn hóa, cá nhân được xem như đã bị “xã hội hóa hoàn toàn”; quyền lực, sự xung đột, những biến đổi bị thu nhỏ lại, lạc quan mà nói thì chúng mang tính cách mạng.

Việc phê phán cách tiếp cận này có một sự nhất trí chung quan trọng nhất: Đó là sự từ chối xem bất kỳ cơ cấu xã hội nào, mọi sự sắp đặt thiết chế đã tồn tại như là tự nhiên hay có thể giải thích được ở giới hạn về cấp độ của sự khác biệt cơ cấu của các xã hội khác nhau và những nhu cầu đồng thời có tính hệ thống của một xã hội. Trên thực tế ở đó nảy sinh hai khuynh hướng chính có mâu thuẫn nhất định - đó là những khuynh hướng giải thích các khuôn mẫu hành vi xã hội, các tổ chức và thiết chế (Eisenstadt 1981).

Định hướng ấy cố gắng phân tích các phương thức mà ở đó những khuôn khổ được hình thành thông qua những thương lượng, những đấu tranh và xung đột của những nhân vật xã hội khác nhau, hay nói như Anthony Giddens (1979) qua “quá trình cấu trúc hóa” thay vì “cơ cấu”.

Cách tiếp cận thứ hai được thực hiện theo phương thức trái ngược với cách thứ nhất, bởi vì nó tách chủ đề hành động ra ngoài bối cảnh, cách tiếp cận này được bắt đầu từ Lévi - Strauss và cá nhân cấu trúc luận. Nó tiếp tục phát triển trong các cách tiếp cận khác nhau đặc biệt là cách tiếp cận ngữ nghĩa (Semantic) hay tín hiệu học (Semiotic) (Rossi 1983) nó nhấn mạnh rằng mọi hình thái thiết chế hay khuôn mẫu hành

vi cụ thể nào cũng đều phải được giải thích như là sự thể hiện một số nguyên tắc của cái cấu trúc sâu kín của đầu óc con người, của các lực lượng sản xuất hay tương tự.

Vượt lên trên những hướng phát triển ấy, ở đó cũng đã hiện lên lơ mờ vấn đề vốn đã tồn tại ngay từ buổi đầu trong phân tích xã hội học nói chung, trong xã hội học văn hóa và tôn giáo nói riêng, tức là làm sao có thể điều hòa sự duy trì trật tự (order- maintaining) với sự thay đổi trật tự (order - changing) hay những khả năng biến đổi của các chiều biểu trưng của hoạt động con người, làm sao có thể điều hòa cách nhìn nhận tôn giáo như là “thuộc phiện” của nhân dân với tư cách là “hệ tư tưởng” trong cách nhìn mác xít hay cổ điển (Mannheim 1936) hay ngược lại với cách tiếp cận đó được tìm thấy gần như công khai trong các tác phẩm của Max Weber ở mức độ nhất định cả ở Marx và các nhà Mác xít như là Gramsci, và Lê Nin, là những người đã coi các quan niệm, và những giá đỡ của chúng như là những lực lượng của sự biến đổi và cải biến xã hội.

Sự tách rời giữa các nghiên cứu văn hóa và cơ cấu xã hội có thể thấy ở nhân chủng học, ở cấu trúc luận của Lévi - Strauss (1968 - 1971) và những người kế tục ông nhấn mạnh vào những quy luật của cái cơ cấu bị che giấu của đầu óc con người, cũng như ở các nghiên cứu sau này của Clifford Geertz (1975 - 1980) hay Victor Turner (1969) nhấn mạnh trước hết vào những hình thái biểu hiện và những đặc tính của văn hóa, với một số phân tích tương đối hệ thống về cơ cấu xã hội - trong sự tương phản rõ rệt với truyền thống nhân chủng học xã hội cổ điển Anh.

Từ những năm sáu mươi trở về sau, sự đứt đoạn ngày càng xa đã nảy sinh giữa hai hướng nghiên cứu này - hướng nghiên cứu “văn hóa” và hướng nghiên cứu “cơ cấu xã hội” và một sự tách rời giữa việc nhấn mạnh vào những trật tự được thương lượng (negotiated orders) hay sự cấu trúc hóa và vào cái gì đó gần gũi với cái cơ cấu sâu kín.

Hai trường phái hay hai cách tiếp cận quan trọng nhất trong xã hội học đã nhấn mạnh vào các chiều biểu trưng, như mọi người đều biết, là các cách tiếp cận của thuyết tương tác biểu trưng và phương pháp luận dân tộc học. (Cũng như mức độ nào đó là hiện tượng học).

Thuyết tương tác biểu trưng (Blumer 1968 Meltzer Petras và Reynolds 1975) đã nhấn mạnh hơn cả vào sự cấu thành của ý nghĩa và sự xác định những hoàn cảnh khác nhau, thông qua các quá trình tương tác xã hội đang diễn ra ở đó.

Trái lại với điều đó, phương pháp luận dân tộc học (Cicourel 1964, 1973. Denzin 1971. Garfinkel 1961. Turner 1974) nhấn mạnh vào sự khám phá cái công khai (the overt), những biểu hiện không thể sửa chữa của nhiều lược đề ngữ nghĩa của tương tác xã hội, của cuộc sống nói chung và của cuộc đời “theo nghĩa thông thường” hàng ngày nói riêng.

Tác phẩm quan trọng duy nhất được phát triển theo hướng này - tác phẩm của Erving Goffman đã quá cố, thường được diễn giải là đã nhấn mạnh vào quan điểm tương tác luận, sự cấu thành các ý nghĩa của tình hình thông qua các hoạt động của các cá nhân tham gia vào những hoàn cảnh nhất định.

Tuy nhiên việc xem xét kỹ lưỡng các công trình của ông, trên tất cả những khía cạnh khác nhau của sự “phân tích bối cảnh” cũng đều chỉ ra là ông đã quá nhấn mạnh vào tính xác định của những hoàn cảnh khác nhau trong đó “sự sắm vai” của các

cá nhân, màn kịch của hành động giữa các cá nhân diễn ra, mà bằng mọi cách lại không tìm hiểu xuất xứ của những bối cảnh đó (Frank 1979. Goffman 1974).

Bất kể những khác biệt giữa các cách tiếp cận này là như thế nào thì chúng đều nhất trí với nhau, ít ra là rất gần đây ở chỗ chúng rất ít đụng chạm trực tiếp tới mối liên hệ của các biểu tượng hay các quá trình với những bối cảnh thiết chế hay các khuôn khổ của các hoạt động mà chúng đã phát triển ở trong đó - dù rằng những bối cảnh có tính tổ chức và tình huống trực tiếp hơn của các hoạt động hay quá trình như thế, hay những bối cảnh thiết chế vĩ mô rộng hơn.

Đồng thời các dạng phân tích cơ cấu chính về các thiết chế và cơ cấu xã hội, để phát triển trong giai đoạn này, chẳng hạn từ những năm sáu mươi về sau đều hoàn toàn không tính đến những nhân tố văn hóa, hay đều xem chúng như là những phạm trù thừa.

Một sự thực trong truyền thống của Simmel - Merton - Blau và Boudon ở Pháp (Blau 1964 a, 1964 b, Boudo 1981, Merton 1963) là đã nhấn mạnh vào sự phân tích tổ chức bên trong, những đặc điểm hình thức và những thuộc tính nổi bật của cơ cấu xã hội là những ảnh hưởng của chúng đến hành vi xã hội. Nó cũng áp dụng những phân tích so sánh hay phân tích lịch sử - cấu trúc và đã giành lại được chỗ đứng đặc biệt là vào chục năm cuối cùng và tiếp sau đó, sau những tác động trở lại của những nghiên cứu so sánh khác nhau của những năm năm mươi và sáu mươi nói chung, và nhóm nghiên cứu về hiện đại hóa nói riêng (xem, chẳng hạn Wallerstein 1974; Skhoopol 1979).

II - Những hướng phân tích mới về văn hóa và cơ cấu xã hội

Sự tranh luận trên đây chỉ ra rằng mọi cố gắng nhằm xác lập lại sự phân tích hệ thống các quan hệ, một mặt giữa phân tích văn hóa và mặt khác, phân tích thiết chế hay phân tích cơ cấu xã hội chắc chắn là điểm xuất phát cho sự tách rời ngày càng tăng giữa hai lĩnh vực nghiên cứu đó, chẳng hạn việc không coi cơ cấu xã hội là tự nhiên. Nó phải tìm thấy phương thức để kết hợp việc phân tích những khía cạnh khác nhau của cơ cấu xã hội trong các quá trình tương tác xã hội mà ở đó các cá nhân hoạt động như là những nhân vật độc lập và ở đó quyền lực và sự kiểm soát cũng được liên hệ với những khía cạnh khác nhau của “văn hóa”. Một cố gắng như thế cũng có thể nói về cả “trật tự được thương lượng” lẫn “cơ cấu sâu kín”, mỗi cái đều theo nhiều cách khác nhau của nó.

Nhiều nỗ lực theo những hướng như thế nhằm vượt qua những cách biệt giữa các nghiên cứu văn hóa và cơ cấu xã hội mới được thực hiện muộn màng trong các khoa học xã hội khác nhau và sử học, đặc biệt là những hướng có liên hệ ít nhiều với trường phái Niên giám (annale) (chẳng hạn Le Roy Ladourie 1973, 1974 Le Goff 1974 và một số khuynh hướng gần đây hơn trong lịch sử xã hội ở Mỹ và Anh (Davis 1975, Hunt 1984). Thực ra có thể nói rằng họ đã cố gắng chỉ ra rằng làm thế nào để hợp nhất trong phân tích các quá trình, sự kiến tạo những khung cảnh xã hội và thiết chế những chiều của quyền lực và sự cấu thành của ý nghĩa, sự ảnh hưởng của những biểu tượng văn hóa đến các hoàn cảnh và các quá trình tương tác xã hội và sự cấu trúc hóa các hình thái thiết chế.

III - Những kết luận có tính khuynh hướng

Người ta đã cố gắng chỉ ra một cách hệ thống tầm quan trọng chủ chốt đối với sự hình thành hay sự cấu trúc hóa của những thiết chế là những cách nhìn và những

định hướng văn hóa ấy được biến thành những tiền đề cơ bản của văn minh, của trật tự xã hội và chính trị - khi nói về vấn đề phân công lao động xã hội, xây dựng niềm tin, điều hành quyền lực và sự cấu thành cái ý nghĩa của các hoạt động con người. Chúng các định những cơ sở của quyền hành và công lý, và vị trí của những phạm vi thiết chế khác nhau trong toàn bộ sự nhận thức về con người và vũ trụ. Chúng có những nguồn gốc thiết chế chủ yếu như ở trong các nghiên cứu về quyền lực và quyền hành, của cải và uy tín, những giới hạn của các tập thể lớn và sự hợp thức hóa của chúng.

Sự tác động của những tiền đề như thế và những phát sinh thiết chế của chúng đến sự hình thành và sự tái tạo những hình thái thiết chế được tác động nhờ hoạt động của những nhóm tinh túy nhất thông qua các cơ chế tương tác xã hội khác nhau nói chung, và kiểm soát nói riêng, cũng như qua sự phát triển của những thách thức đối với sự kiểm soát như vậy, phát triển trong những nhóm tinh túy ấy và những tầng lớp rộng hơn của xã hội, hay các bộ phận của nó. Những cơ chế như thế không bị giới hạn ở việc thực hành quyền lực theo nghĩa chính trị “chặt hẹp” riêng biệt hay có tính cưỡng bức. Tuy nhiên chúng không được làm sinh động lên thông qua những cái chỉ tượng trưng cho các quan hệ giai cấp hay “các phương thức sản xuất”. Mà chúng trở nên sinh động hơn qua những liên minh chủ yếu của các nhóm tinh hoa trong xã hội, mang những quan niệm văn hóa khác nhau và thể hiện những kiểu lợi ích khác nhau.

Cái quan trọng nhất của những nhóm tinh hoa này là những nhóm chính trị, hầu hết có quan hệ trực tiếp với sự điều hành quyền lực trong xã hội. Là cơ cấu của những nhóm tinh túy ấy có liên hệ chặt chẽ với những định hướng văn hóa cơ bản chiếm ưu thế trong một xã hội. Các kiểu nhóm tinh hoa khác nhau là những giá đỡ của các kiểu định hướng hay quan điểm khác nhau. Mặt khác, trong mỗi quan hệ với các kiểu loại định hướng văn hóa và sự biến đổi riêng biệt của chúng thành những tiền đề cơ bản của trật tự xã hội, các nhóm tinh hoa ấy có khuynh hướng thực hiện những phương thức kiểm soát khác nhau đối với việc phân phối những nguồn tài nguyên cơ bản trong xã hội. Những liên minh khác nhau của các nhóm tinh hoa thực hiện sự kiểm soát ấy trong các lĩnh vực thiết chế chủ yếu theo một số phương thức có quan hệ chặt chẽ với nhau.

Khía cạnh thứ nhất này của sự kiểm soát có thể được gọi là sự sáng tạo, sự khớp nối và sự thiết chế hóa bản đồ ngữ nghĩa của một xã hội hay bộ phận của nó và những phát sinh tư tưởng và thiết chế cơ bản của nó, sự biểu trưng hóa và sự hợp thức hóa.

Sự cấu thành bản đồ ngữ nghĩa cơ bản đòi hỏi sự xác định một số vấn đề cơ bản của tồn tại con người và xã hội, sự xác định “giải pháp” cho những vấn đề như thế và mối liên hệ của chúng với sự xác định những tiền đề cơ bản của trật tự xã hội.

Chính đây là sự kiến tạo của những bản đồ và những tiền đề như thế thành những thành tố cơ bản của bản đồ ngữ nghĩa của các xã hội khác nhau và các bộ phận của nó. Và thông qua quá trình này mà nhiều biểu hiện không thể sửa chữa được của những bản đồ ấy, của những tiền đề cơ bản của trật tự xã hội như là những ám chỉ thiết chế cơ bản của chúng và những xung đột tiềm tàng giữa những biểu hiện và những tiền đề khác nhau được kiến tạo.

Quá trình kiến tạo ấy được tập trung xung quanh một vài cực cơ bản vốn có trong bản chất của sự tồn tại của con người, sự kiến tạo của trật tự xã hội, với sự nhận thức và xác định những vấn đề ấy trong các xã hội con người. Hai cực hay trục

chủ yếu của sự tìm tòi đối với những tiêu điểm siêu - ý nghĩa (metameanings focus) trước tiên ở trực vũ trụ luận, sự xác định những quan hệ giữa vũ trụ với những thế giới con người trần tục và hai là, ở những chiều biểu trưng của trật tự xã hội; đã được ám chỉ từ trước.

Sự kiến tạo bản đồ ngữ nghĩa (Semantic map) của những truyền thống hay tiền đề cơ bản của các xã hội hay các bộ phận của chúng, cho phép tiếp nhận sự khu biệt và xác định thứ bậc hợp pháp của các vấn đề có liên hệ với các trực cơ bản này, những cách thức mà ở đó những vấn đề này và những câu trả lời cho chúng được hình thành và sự hợp thức hóa của chúng trong khuôn khổ sự sắp xếp của những cái ý nghĩa. Nó đòi hỏi những ám chỉ thiết chế chủ yếu của chúng và sự biến đổi của chúng thành những tiền đề cơ bản của trật tự xã hội được ám chỉ ở trên - nghĩa là sự phân công của lao động, của niềm tin, của những giới hạn của các tập đoàn, sự điều hành quyền lực, sự cấu thành của ý nghĩa của những hoạt động con người trong giới hạn của các cực hay trực cơ bản và những ám chỉ thiết chế của chúng.

Một bộ phận rất trung tâm của sự kết tinh thiết chế hóa những lược đồ ngữ nghĩa của một xã hội, những bộ phận của nó hay của những cá nhân là cái biểu trưng, những xác định về tư tưởng của những tiền đề cơ bản của các lĩnh vực hoạt động con người khác nhau và những bộ phận xã hội nói chung, và của lĩnh vực chính trị nói riêng. Chính những xác định của những tiền đề ấy cấp cho những hoạt động như vậy ý nghĩa và sự hợp thức riêng biệt trong các xã hội riêng biệt hay các bộ phận của nó. Những định nghĩa biểu trưng như thế về kinh tế, về chính trị và tương tự không đòi hỏi phải được đồng nhất với sự khác biệt về cấu trúc của chúng. Những lĩnh vực ấy không cần được chỉ ra theo những cách độc lập riêng biệt khác nhau về mặt biểu trưng trong mỗi xã hội với một lĩnh vực tương đối khác biệt và riêng biệt về kinh tế hay chính trị.

Bộ phận thứ hai - được kiến tạo nhiều nhất về mặt thiết chế (chẳng hạn, được tổ chức trong những khuôn mẫu tương đối lâu dài trên bình diện vĩ mô nhưng cũng rất quan trọng trên bình diện vĩ mô) - Phương thức kiểm soát là phương thức có một số khía cạnh trung tâm của sự điều phối các nguồn tài nguyên trong các mô hình tương tác xã hội, và cuối cùng là những mối liên hệ giữa hai cơ chế kiểm soát đó.

Sự kiểm soát việc điều phối các nguồn tài nguyên được tập trung vào điều hành sự tham gia vào những thị trường thiết chế chủ yếu (kinh tế, chính trị, văn hóa...) và những vị trí của sự thay đổi những tài nguyên chủ yếu giữa các thị trường đó; của các mô hình đầu tư và phân phối những nguồn tài nguyên ấy trong không gian và thời gian; và của sự điều hành việc tổ chức không gian ấy của các tài nguyên và ý nghĩa của chúng.

Một mối liên hệ trung tâm nối liền giữa hai khía cạnh hay chiều kiểm soát - chẳng hạn giữa sự xây dựng những nhận định và những tiền đề cơ bản trật tự xã hội và sự điều hành sự phân phối các tài nguyên - là sự kiến tạo và điều hành sự phân phối các cấp độ thông tin khác nhau. Điều quan trọng nhất của các khía cạnh hay cấp độ ấy trước hết là thông tin có liên quan tới sự cấu thành các chiều biểu trưng của đời sống xã hội, cao nhất là của uy tín với tư cách là cái điều chỉnh của sự tham gia vào các tập đoàn và các trung tâm, của sự định hướng theo quy chiếu vào trật tự xã hội và vào các nhóm khác nhau ở đó, như là những khía cạnh có tính kỹ thuật hơn hay mang tính công cụ hơn của các kiểu hoạt động xã hội khác nhau. Hai là sự yêu cầu những tình huống giao tiếp có tính nghi lễ chính thức và không chính thức có ý nghĩa sâu sắc có "cơ cấu" sâu kín của những định hướng đối với đặc tính của nhóm hay tập đoàn.

Ở những giới hạn chung hơn, sự nêu ra một khung cảnh thiết chế được tác động bởi sự kết hợp của một số thành phần chủ yếu. Trước hết là cấp độ và sự phân phối

các tài nguyên trong các nhóm khác nhau ở một xã hội - chẳng hạn kiểu nhân công lao động, đang chiếm ưu thế trong một xã hội nhất định; hai là những chủ thầu hay các phần tử tinh hoa sẵn có tính tổ chức - hay cạnh tranh - đối với sự thúc đẩy và cấu trúc hóa những tài nguyên ấy và đối với việc tổ chức và khớp nối lợi ích của các nhóm chủ yếu được phổ quát hóa thông qua phân công lao động xã hội; ba là tính chất của các quan niệm về “những cách nhìn” đưa ra những định hướng văn hóa chủ yếu hay các mã chiếm ưu thế trong một xã hội.

Sự cụ thể hóa các khuynh hướng đó đang diễn ra trong những khung cảnh chính trị - sinh thái khác nhau. Hai khía cạnh của hoàn cảnh có tầm quan trọng đặc biệt là: Một cái nhấn mạnh trong nghiên cứu mới đây là tầm quan trọng của những hệ thống chính trị và kinh tế có tính quốc tế nói chung và về vị trí của các nhóm xã hội, bên trong của các kiểu tôn giáo bá quyền và phụ thuộc khác nhau nói riêng, cái thứ hai là sự công nhận chung hơn tính đa dạng phong phú của các hoàn cảnh chính trị - sinh thái của các xã hội, như những khác biệt giữa các nhóm xã hội lớn và nhóm xã hội nhỏ, sự phụ thuộc riêng biệt của chúng vào các thị trường bên trong và bên ngoài, và tương tự. Cả hai khía cạnh ấy đều ảnh hưởng mạnh mẽ cái cách thức mà ở đó những ranh giới cơ quan và những động lực có chiều hướng phát triển.

Sự trình bày ở trên về mối quan hệ giữa văn hóa và cơ cấu xã hội thậm chí có thể là không chính xác - khi trình bày cả hai cái như một bức tranh vừa tĩnh lại vừa đồng nhất của mỗi liên hệ này.

Thực ra nó có thể được lý giải nếu như những định hướng văn hóa hay các quan điểm cơ bản ấy một khi đã được thiết chế hóa như là những bộ phận cấu thành của các xã hội riêng biệt của chúng, trước hết là tương đối tĩnh tại với sự thay đổi rất ít về nguyên tắc thông qua những giai đoạn lịch sử của các xã hội hay các nền văn minh riêng biệt của chúng. Hai là nó cũng có thể được lý giải khi nó trở nên tương đối đồng rạn và đồng nhất trong cái xã hội riêng biệt hay ít ra là các bộ phận, với những biến thái khu vực tối đa. Cuối cùng, một bức tranh như thế dường như không giành không gian cho tiến trình cấu trúc lại và thay đổi các quan hệ giữa “văn hóa” và “cơ cấu xã hội” và vượt qua sự thiết chế hóa ban đầu của các quan điểm văn hóa khác nhau; hay nói cách khác, nó không cho phép hay giải thích các khía cạnh của thói quen ấy đã được nhấn mạnh quá nhiều, như chúng ta đã thấy, trong văn học rất gần đây.

Một bức tranh đơn giản như thế, thực ra không chứa đựng một yếu tố thực sự mạnh mẽ của niềm tin - nghĩa là một số khía cạnh rất trung tâm của sự thiết chế hóa ấy đặc biệt là những cái liên hệ rõ nhất với sự kiến tạo những tiền đề cơ bản của trật tự xã hội và những lĩnh vực và hình thái thiết chế chủ yếu, với cái được gọi là những biểu hiện của “những cơ cấu sâu kín” của các nhóm xã hội riêng biệt của chúng, của các trung tâm và những ranh giới của các tập đoàn khác nhau, với những ý nghĩa riêng biệt của chúng và một số phát sinh thiết chế cơ bản của những ý nghĩa đó, phô bày một tỷ lệ dai hơn của tính liên tục - có thể thấy được từ những minh họa đã trình bày ở trên - so với những khía cạnh khác nhau của cơ cấu, tổ chức và tương tác xã hội.

Tuy nhiên với tất cả những yếu tố của niềm tin mà bức tranh ấy chứa đựng, chắc chắn là nó hơi một chiều. Nó không tính đến sự kiện - được minh họa trong các phân tích của chúng ta về giáo phái và dị giáo - mà sự thiết chế hóa của những tiền đề cơ bản khác nhau thông qua các cơ chế kiểm soát khác nhau có thể không bao giờ thẳng lợi hoàn toàn; trong mỗi tập hợp của những tiền đề ấy luôn luôn phát triển những căng thẳng, những khuynh hướng và phản khuynh hướng cùng những định hướng

chống đối, rằng chính sự làm sinh động những cơ chế kiểm soát, cơ chế cấu trúc hóa ấy, làm sống lại những định hướng như vậy thường có mối liên hệ với các xung đột nhóm làm nảy sinh các phong trào phản kháng và biến đổi.

Những lý do cơ bản cho những tiềm năng biến đổi - trật tự được bắt rễ trong một số khía cạnh cơ bản của những liên hệ giữa văn hóa và cơ cấu xã hội là gì ?

Trước hết, chúng bắt rễ trong thực tế mà ở đó không có mối liên hệ một - một giữa “nội dung” của các quan niệm văn hóa và những tiền đề lớn của các nền văn minh mà ở đó chúng được thiết chế hóa. Giữa những tiền đề ấy khi đã được khớp nối vào những lược đồ nhận thức của các xã hội và vào cơ cấu thiết chế cơ bản, vào những hình thái hay những cơ cấu và tổ chức thiết chế cụ thể có thể phát triển trong những khuôn khổ của những tiền đề cơ bản đó.

Hai là, chúng được bắt rễ trong thực tế mà sự tồn tại của một lỗ hổng giữa các quan niệm với những tiền đề văn hóa, những hình thái thiết chế cụ thể và sự tương tác xã hội, sự lựa chọn liên tục những khía cạnh hay các thành tố khác nhau của các quan niệm văn hóa có liên hệ chặt chẽ với thực tế, mà bất cứ sự thiết chế hóa nào đối với những cách nhìn như vậy đều được thông qua, những cơ chế kiểm soát xã hội khác nhau, và đòi hỏi các quá trình thậm chí một quá trình đặc biệt của tương tác xã hội.

Ba là, chúng được bắt rễ trong thực tế mà chính sự thiết chế hóa mọi quan niệm như thế, thông qua các tiến trình xã hội khác nhau và những cơ chế kiểm soát kể trên cũng như việc duy trì của chúng thông qua không gian và thời gian, đòi hỏi làm sống lại liên tục các quá trình kiểm soát xã hội thông qua chỗ mà các tiền đề cơ bản được thiết chế hóa và việc làm sống động trở lại ấy lại sinh ra những căng thẳng và những xung đột, những phong trào phản kháng và các quá trình biến đổi vốn có đòi hỏi một số khả năng tái tạo lại chính những tiền đề ấy.

Những căng thẳng, những xung đột và hành động ấy có những khả năng tái tạo lại cơ cấu xã hội và ý nghĩa đang diễn ra, mặc dù theo những cách khác nhau, cả ở cấp độ của tình hình tương tác và tổ chức cụ thể cũng như trên cấp độ những tiền đề cơ bản của những yếu tố thuộc “cơ cấu sâu kín”.

Trong cả hai trường hợp này, sự tái tạo như vậy đòi hỏi những mô hình tương tác xã hội và biểu trưng sự xung đột trong các nhóm tinh hoa khác nhau, giữa chúng với các nhóm và tầng lớp rộng lớn hơn. Nhưng những động lực của sự tương tác ấy khác biệt rất lớn ở những cấp độ khác nhau của đời sống xã hội ngay cả khi chúng cũng có những đặc tính chung. Một khía cạnh của sự tái tạo những tiền đề cơ bản của một xã hội mới đây đã được Lyn Hant (1984) phân tích một cách tuyệt vời. Đó là phân tích về sự kiến tạo mạnh mẽ đầy kịch tính cùng với sự thiết chế hóa các biểu tượng và tái tạo đồng thời những khuôn mẫu hành vi cơ bản thuộc về những biểu tượng đó.

Nhưng đây chỉ là một yếu tố và sự phân tích những kiểu quá trình tương tác khác nhau, được bao hàm trong biến đổi của những tiền đề cơ bản của các xã hội, các nền văn minh, của những khía cạnh biểu trưng, tổ chức tương tác khác nhau, của sự thiết chế hóa của chúng, bằng nhiều cách vẫn ở trước mặt chúng ta.

Dù sao sự phân tích trên đây đã có thể cung cấp một vài chỉ báo ban đầu theo hướng này.

NGUYỄN ĐỨC TRUYỀN Lược dịch

Nguồn: Tạp chí “International Sociology”

Number 3: September/1986